

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 8 - 2018
V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản
chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H Rin Niê; Ông Nguyễn Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02/5/2018 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Già Y G, sinh năm 1987 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lù Seo T, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Đoàn Anh T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (*vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Già Y G, trình bày:

Chị G và anh Lù Seo T chung sống với nhau từ năm 2011. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị G đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết cho ly hôn với anh Lù Seo T theo bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 21/3/2017. Trong quá trình giải quyết ly hôn chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên sau đó chị G và anh T đã không thống nhất chia tài sản chung được nên xảy ra tranh chấp. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia các tài sản chung như sau:

Một lô đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 676140 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 24/4/2014 tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 70, có diện tích 364,1m². Đất tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, cấp cho hộ anh Hộ ông Lù Seo T và chị Già Y G. Tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm đóng bằng tôn, mái lợp tôn (Lô số 1).

Một lô đất có diện tích 354,2m² nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Anh T1 vào năm 2013 (địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có giấy tờ sang nhượng viết tay và cùng ký xác nhận, giấy sang nhượng có Ban tự quản thôn L xác nhận. Tài sản trên đất là một ngôi nhà khung gỗ tạm đóng bằng tôn, mái lợp tôn. (Lô số 2).

Chị G có nguyện vọng được quản lý và sử dụng lô đất số 01 và tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ lợp tôn. Giao cho anh T được quản lý và sử dụng lô đất số 02 và tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ lợp tôn.

Trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lù Seo T trình bày:

Anh T đồng ý với những lời trình bày về kê khai tài sản chung của chị G, trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết ly hôn anh T và chị G không yêu cầu chia tài sản chung, nhưng sau đó các bên không tự phân chia được. Nay chị Già Y G yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản là 02 lô đất, lô đất số 01 thửa đất số 271, tại tờ bản đồ số 79, có diện tích 364,1m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 676140 cùng tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm mái lợp tôn; lô đất số 02 nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Anh T1, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có giấy tờ chuyển nhượng viết tay và tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm mái lợp tôn.

Anh T không đồng ý theo yêu cầu của chị G, anh T có ý kiến muốn được chia đôi lô đất số 01, mỗi người một nửa. Nếu bên nào nhận toàn bộ lô đất thì trả 50% giá trị lô đất cho bên kia.

Đối với lô đất số 02 nhận chuyển nhượng đất của anh T1 là dùng tiền của riêng của anh T và người vợ trước đã ly hôn là Giàng Thị M, sinh năm 1982 cư trú tại thôn R, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk mua cho Lù Văn Q (hiện nay 12 tuổi) là con chung của anh T với chị M, lúc đó con còn nhỏ nên anh T là người đứng tên nên anh T không đồng ý chia lô đất này. Vì đó là tài sản riêng anh T và chị M mà không phải là tài sản chung của anh T với chị G.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Anh T1, trình bày:** vào tháng 11/2013 anh T1 có chuyển nhượng một lô đất tại thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cho vợ chồng anh Lù Seo T và chị Già Y G với giá 30.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ viết tay với nhau, anh T1 đã nhận đủ tiền và giao đất cho vợ chồng anh T. Khi giao nhận tiền và giao đất đều có cả hai vợ chồng anh T và chị G. Nay anh T và chị G đã ly hôn và tiếp tục chia tài sản chung, anh T1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử tại phiên tòa.

Bà Giàng Thị M, trình bày: vào ngày 27/9/2011 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk giải quyết ly hôn giữa bà với ông Lù Seo T theo bản án số 11/2011/HNGĐ-ST. Bà M và ông T tự thỏa thuận chia tài sản chung, phần anh T được chia là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), sau đó ông T kết hôn với chị Già Y G và dùng số tiền đó để mua lô đất của Đoàn Anh T1 để cho con trai của bà M và ông T tên là Lù Văn Q sau này lớn lên làm nhà ở. Bà đề nghị Tòa án không chia lô đất mua anh T1 vì đó là tài sản riêng của ông T có được từ việc chia tài sản chung với bà M mà không phải tài sản riêng của ông T với chị G.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay chị Già Y G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị G có nguyện vọng được quản lý và sử dụng lô đất số 01 cùng ngôi nhà gỗ là tài sản trên đất. Giao cho anh T quản lý và sử dụng lô đất số 02. Đối với ngôi nhà trên lô đất số 02, nhà được hình thành đầu khoảng tháng 4 năm 2017 thời điểm đó hai người đã ly hôn và không chứng minh được đó là tài sản chung, do vậy chị G xin rút yêu cầu chia ngôi nhà trên lô đất số 02.

Tại phiên tòa, anh Lù Seo T vẫn giữ nguyên ý kiến phản tố của mình, anh T đề nghị chia đôi lô đất số 01, trường hợp chị G muốn nhận toàn bộ lô đất thì trả cho anh T 50% giá trị lô đất. Lô đất số 02 anh T không đồng ý chia, vì tiền dùng để mua lô đất đó là tiền riêng của anh T được chia từ tài sản chung với chị Giàng Thị M, mua để sau này cho con chung của anh T và chị M sử dụng mà không phải là tài sản chung của anh T với chị G.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đơn xin xét xử vắng mặt, việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn có ý kiến phản tố nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến phản tố của mình.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao lô đất số 01 cùng tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ lợp tôn cho chị Già Y G được quản lý và sử dụng. Giao lô đất số 02 cho anh Lù Seo T được quản lý và sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Già Y G yêu cầu Tòa án giải quyết việc Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn với anh Lù Seo T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn R, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lù Seo T, anh Lù Seo T được ly hôn với chị Già Y G. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập và sự thừa nhận của các đương sự, xác định chị Già Y G và anh Lù Seo T có các tài sản chung như sau:

Lô đất số 01 tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 79, có diện tích 364,1m² có nguồn gốc ban đầu xác định của chung của vợ chồng chị Già Y G và anh Lù Seo T, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 676140 ngày 24/4/2014, cấp cho anh T và chị G, tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm khung bằng gỗ, tường đóng bằng tôn, mái lợp tôn.

Lô đất số 02: có diện tích 354,2m² nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Anh T1 (địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2013, các bên làm giấy tờ sang nhượng viết tay cùng ký xác nhận và được ban tự quản thôn L xác nhận nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm khung gỗ, tường đóng bằng tôn, mái lợp tôn. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông xác định:

Lô số 01: đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 676140. thửa đất số 271, tờ bản đồ số 79, có diện tích 364,1m², đất ở tại nông thôn, do UBND huyện Krông Bông cấp cho chị Già Y G và anh Lù Seo Th, ký cấp ngày 24/4/2014. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn H, có cạnh dài 8m;
- + Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 8m;
- + Phía Nam giáp đất ông T, có cạnh dài 45,76m;
- + Phía Bắc giáp đất ông V, có cạnh dài 45,78m.

Giá đất ở tại nông thôn: 70.000đ/m² x 364,1m² = 25.487.000đ

Tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm bằng khung gỗ, tường bằng tôn và mái lợp tôn, một phần nền láng xi măng, một phần bằng đất nện. Có diện tích 7,5m x 12m. Có giá trị là 3.600.000đ. Tổng giá trị đất và nhà là 29.087.000đ.

Lô số 02: đất nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Anh T 1, chuyển nhượng ngày 12/11/2013 có diện tích sử dụng thực tế là 354,2m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có giấy tờ chuyển nhượng viết tay có các bên chuyển nhượng và ban tự quản thôn L ký xác nhận, đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ruộng, có cạnh dài 12m;
- + Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 12m;
- + Phía Nam giáp đất ông C, có cạnh dài 29m;
- + Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đăng Ch, có cạnh dài 29m.

Giá đất tại vị trí số 03: 16.000đ/m² x 354,2m² = 5.667.200đ

Tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm bằng khung gỗ, tường bằng tôn và mái lợp tôn, nền láng xi măng. Có giá trị là 4.200.000đ. Tổng giá trị đất và nhà là 9.867.200đ.

Giá đất căn cứ theo quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Giá nhà căn cứ theo quyết định 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Qua khảo sát giá đất thị trường trên địa bàn thôn L, xã P tại thời điểm định giá, đối với lô đất số 01 có giá là 5.000.000đ/1mét chiều ngang mặt đường giao thông nông thôn, lô đất số 01 có giá là 5.000.000đ x 8m = 40.000.000đ. Lô đất số 02 có giá là 4.000.000đ/1mét chiều ngang mặt đường giao thông nông thôn, lô đất số 02 có giá là 4.000.000đ x 12m = 48.000.000đ.

Giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá được Hội đồng định giá và các đương sự thống nhất áp dụng để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Đối với lô đất số 01, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà khung gỗ lợp tôn được các đương sự đều thừa nhận là tài sản chung. Lô đất số 02 chị G cho rằng là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh T cho rằng nhận chuyển nhượng vào năm 2013 trước khi hai người làm thủ tục ly hôn nhưng đó là tài sản riêng của anh T, lô đất được mua từ tiền riêng của anh T với chị M là người vợ trước đã ly hôn.

Qua lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận lô đất số 02 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, giấy tờ chuyển nhượng ngày 12/11/2013 thể hiện bên chuyển nhượng là Đoàn Anh T1 và bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng Lù Seo T và Già Y G. Anh T cho rằng là tài sản riêng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Mặc dù lời khai của chị Giàng Thị M đã ly hôn với anh T cho rằng, sau khi ly hôn chia tài sản chung anh T được hưởng 80.000.000đ và sử dụng số tiền đó để mua lô đất của Đoàn Anh T để sau này cho con chung của anh T và chị M làm nhà ở, những lời khai của chị M không đủ căn cứ để sử dụng làm chứng trong vụ án vì giữa chị M và anh T có người con chung là Lù Văn Q, là người anh T cho rằng sau này sẽ được sử dụng lô đất đó nếu trong vụ án này anh T chứng minh được là tài sản riêng. Tuy nhiên, anh Đoàn Anh T1 là bên chuyển nhượng đất khẳng định tại thời điểm

chuyển nhượng có cả anh T và chị G ký tên bên nhận mua trong giấy chuyển nhượng và lúc giao tiền và giao đất đều có cả anh T và chị G. Như vậy, tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất cả anh T và chị G đều thống nhất cùng đứng tên bên nhận chuyển nhượng mà không ai có ý kiến gì khác, anh T không chứng minh được là tài sản riêng nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến phản tố của anh T. Lô đất số 02 là tài sản chung của anh T và chị G được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và cần phải chia theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Già Y G là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận toàn bộ.

Giao cho chị Già Y G được quản lý và sử dụng lô đất số 01 cùng ngôi nhà là tài sản trên đất, trị giá cả nhà và đất là 43.600.000đ; Tạm giao cho anh Lù Seo T được quản lý và sử dụng lô đất số 02 trị giá 48.000.000đ.

Đối với ngôi nhà gỗ lợp tôn trên lô đất số 02 là tài sản được hình thành sau khi chị G và anh T đã ly hôn, tại phiên tòa chị G đã rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với ngôi nhà gỗ trên lô đất số 02.

Chị G được hưởng tài sản là lô đất số 01 cùng tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ có tổng giá trị là 43.600.000đ. Anh T được hưởng tài sản là lô đất số 02 có giá trị 48.000.000đ. Phần tài sản anh T được hưởng có giá trị lớn hơn phần tài sản chị G được hưởng là 4.400.000đ. Tuy nhiên, chị G không yêu cầu anh T phải trả phần tài sản chênh lệch mà anh T được hưởng nhiều hơn nên không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chấp nhận việc nguyên đơn chị Già Y G tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 1.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí định giá, thẩm định đã nộp 1.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Không Bông ngày 19/7/2018 (đã định giá và chi phí xong).

[4]. Về án phí: chị Già Y G thuộc hộ nghèo và được cấp sổ hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm. Anh Lù Seo T phải chịu án phí trên giá trị tài sản mà mình được chia là: $(48.000.000\text{đồng} \times 5\%) = 2.400.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 203; 220; 266; 271; 273; 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng các Điều 33; 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Già Y G về việc: Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.

- Giao cho chị Già Y G được quản lý và sử dụng lô số 01, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 676140, thửa đất số 271, tờ bản đồ số 79, có diện tích 364,1m², đất ở nông thôn, do UBND huyện B cấp chị Già Y G và anh Lù Seo T, ký cấp ngày 24/4/2014. Đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn H, có cạnh dài 8m;

+ Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 8m;

+ Phía Nam giáp đất ông T, có cạnh dài 45,76m;

+ Phía Bắc giáp đất ông V, có cạnh dài 45,78m.

Lô đất có giá là 40.000.000đ

Tài sản trên đất là một ngôi nhà tạm bằng khung gỗ, tường bằng tôn và mái lợp tôn, một phần nền láng xi măng, một phần bằng đất nện. Có diện tích 7,5m x 12m. Có giá trị là 3.600.000đ. Tổng giá trị đất và nhà là 43.600.000đ. (Bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Tạm giao cho anh Lù Seo T được quản lý và sử dụng toàn bộ lô đất số 02, có diện tích sử dụng thực tế là 354,2m², đất nhận chuyển nhượng của anh Đoàn Anh T1, các bên có làm giấy viết tay và có ban tự quản thôn L ký xác nhận nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất trồng cây hàng năm. Đất sử dụng ổn định và không có tranh chấp. Lô đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ruộng, có cạnh dài 12m;

+ Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 12m;

+ Phía Nam giáp đất ông C, có cạnh dài 29m;

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đăng Ch, có cạnh dài 29m.

Lô đất có giá trị là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Phần tài sản anh Lù Seo T được hưởng có giá trị lớn hơn phần của chị Già Y G là 4.400.000đ, chị G không yêu cầu anh T phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch nên không đặt ra để giải quyết.

Chị Già Y G và anh Lù Seo T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục liên quan đến phần diện tích đất đã được giao theo quy định của pháp luật. Nếu anh T gây khó khăn thì chị G được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã được giao.

2. Về án phí: Năm 2018 gia đình chị Già Y G thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí DSST.

Anh Lù Seo T phải chịu 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi